

BẢNG GIÁ THU DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU
(ÁP DỤNG TỪ NGÀY 18/8/2017 TẠI PHÒNG KHÁM 191 NGUYỄN THỊ MINH KHAI)

KHÁM DỊCH VỤ		GIÁ THU
1	KHÁM DỊCH VỤ	150.000
2	KHÁM DV HẸN GIỜ	300.000
3	TƯ VẤN DI TRUYỀN	300.000
4	KHÁM NHŨ-PHỤ KHOA HẸN GIỜ	500.000
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC		GIÁ THU
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (hệ thống tự động hoàn toàn)	103.000
2	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	25.000
3	KST soát rét Ag (Test nhanh)	230.000
4	Đếm tế bào/ dịch	40.000
5	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng phương pháp gelcard	96.000
8	PT, TQ (bằng máy bán tự động, tự động)	61.000
9	APTT (TCK)	67.000
10	Nghiệm pháp Coombs TT (Scangel)	78.400
11	Nghiệm pháp Coombs GT (Scangel)	78.400
XÉT NGHIỆM SINH HÓA		GIÁ THU
1	Glycemic (đường huyết)	28.000
2	Định lượng Ure	28.000
3	Định lượng Creatinine	28.000
4	Định lượng axit Uric	28.000
5	Định lượng Protein toàn phần	28.000
6	Định lượng Albumine	28.000
7	Xét nghiệm GOT	27.000
8	Xét nghiệm GPT	27.000
9	Xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	27.000
10	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần	27.000
11	LDH	29.000
12	Định lượng Triglycerides	32.000
13	Định lượng Cholestrol toàn phần	32.000
14	Định lượng HDL-Cholestrol	32.000
15	Định lượng LDL-Cholestrol	32.000
16	Điện giải đồ (Na+, K+, Cl+)	59.000
17	Định lượng Ca++ máu	38.000
18	Định lượng Mg++ huyết thanh	46.000
19	Phản ứng CRP	100.000
20	FES (SẮT HUYẾT THANH)	53.000
21	Ferritin	90.000

XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH		GIÁ THU
1	Procalcitonin	392.000
2	HIV (Ag+Ab Elisa)	126.000
3	HBsAg (hóa phát quang)	100.000
5	HBeAg (ELISA)	100.000
6	Anti-HCV (ELISA)	150.000
7	BW (syphilis)	73.000
8	T3	100.000
9	T4	100.000
10	FT3	100.000
11	FT4	100.000
12	TSH	100.000
13	CA.125	195.000
14	HE4	300.000
16	CEA	120.000
23	Sốt xuất huyết (DENGUE)	250.000
24	Anticardiolipin IgM	571.000
25	Anticardiolipin IgG)	571.000
26	Beta 2 proteinl IgG	571.000
27	Beta 2 proteinl IgM	571.000
28	Chẩn đoán Rubella IgM bằng kỹ thuật ELISA	150.000
29	Chẩn đoán Rubella IgG bằng kỹ thuật ELISA	150.000
30	Anti- CMV IgG (ELISA)	150.000
31	Anti- CMV IgM (ELISA)	150.000
32	Chẩn đoán Toxoplasma IgG bằng kỹ thuật ELISA	150.000
33	Chẩn đoán Toxoplasma IgM bằng kỹ thuật ELISA	150.000
XÉT NGHIỆM NỘI TIẾT		GIÁ THU
1	Beta-hcg	120.000
2	AMH	800.000
3	FSH	120.000
4	LH	120.000
5	Estradiol (E2)	120.000
6	Prolactin	120.000
7	Progesterone	120.000
8	Testosterone	129.000
9	SHBG	140.000
10	Nuôi cấy định danh vi khuẩn,nấm (bằng PP thông thường)	230.000

22	Đạm niệu	13.700
23	Rivalta	31.000
24	Khí máu (Gadusang)	212.000
25	Test dung nạp đường huyết	158.000
XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU		GIÁ THU
1	Quick Stick- Hcg	30.000
2	Nước tiểu 10 thông số (máy)	40.000
3	Đạm niệu 24 giờ	40.000
XÉT NGHIỆM TẾ BÀO		GIÁ THU
1	TB Nhuộm Papanicolaou	322.000
2	Pap Liquit-Prep	350.000
3	Pap Thin-Prep	500.000
XÉT NGHIỆM GPBL		
1	Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng pp nhuộm Hemtoxylin Eosi (Nạo, sinh thiết)	304.000
2	Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng pp nhuộm Hemtoxylin Eosi (mổ, khoét chóp)	304.000
SIÊU ÂM		GIÁ THU
1	Siêu âm[siêu âm đơn thai qua đường bụng]	120.000
2	Siêu âm[siêu âm đa thai qua đường bụng]	200.000
3	Siêu âm đầu dò âm đạo, trực tràng[siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo]	176.000
4	Siêu âm Doppler thai nhi[3 tháng cuối -đơn thai]	180.000
5	Siêu âm Doppler thai nhi[3 tháng cuối -đa thai]	250.000
6	Siêu âm Doppler tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	211.000
7	Siêu âm Doppler thai nhi[đo độ mờ da gáy-đơn thai]	165.000
8	Siêu âm Doppler thai nhi[đo độ mờ da gáy-đa thai]	300.000
9	Siêu âm Doppler thai nhi[hình thái học-đơn thai]	200.000
10	Siêu âm Doppler thai nhi[hình thái học-đa thai]	300.000
11	Siêu âm đơn thai tiền sản theo yêu cầu thai phụ	350.000
12	Siêu âm đa thai tiền sản theo yêu cầu thai phụ	450.000
13	Siêu âm đơn thai 4 chiều theo yêu cầu thai phụ	300.000
14	Siêu âm đa thai 4 chiều theo yêu cầu thai phụ	400.000
15	Nonstresstest	220.000
X-QUANG		GIÁ THU
1	X-Quang Đầu Cuối Ngừa	69.000
2	X-Quang KQ Chậu	150.000
3	X-Quang Tim Phổi	69.000
4	Cột sống	69.000

11	Kháng sinh đồ	173.000
11	Soi tươi/ nhuộm gram	65.500
13	UE3	55.000
14	HbA1C	99.600
16	AFP	120.000
XÉT NGHIỆM VI SINH		GIÁ THU
1	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	63.200
2	Soi tươi tìm ký sinh trùng (đường ruột, ngoài đường ruột)	39.000
3	Salmonella Widal	172.000
XN DI TRUYỀN Y HỌC		GIÁ THU
1	Triple Test	450.000
2	Double Test	450.000
3	G6PD-TSH-17OHP	250.000
4	Karyotype ối	2.500.000
5	Karyotype Máu	675.000
6	Fish ối	3.300.000
7	Fish gai nhau	2.800.000
8	QF-PCR ối	2.500.000
9	QF-PCR gai nhau	2.800.000
10	HPV	600.000
11	CMV- PCR	700.000
12	Rubella PCR	700.000
13	Toxoplasma PCR	1.000.000
14	Thalassemia	4.349.000
15	AZF	2.000.000
16	SRY	2.000.000
17	Hội chứng Digeorge	3.000.000
18	Bệnh Duchenne	3.000.000
19	UPD (uniparental disomy)	3.000.000
20	Factor II (FII)	1.000.000
21	Factor V (FV Leiden)	1.000.000
22	Điện di huyết sắt tổ (định lượng)	300.000
23	Phân tích STR người	6.000.000
24	Đột biến gen sảy thai(gen FII+FV+MTHFR)	3.000.000
CHỤP MRI		GIÁ THU
1	MRI THAI LẦN 1	3.000.000

5	Hồ yên	69.000
6	Chụp UIV	400.000
7	Chụp HSG	300.000
8	Nhũ ảnh	200.000
9	Bụng không sửa soạn	69.000
10	Đo loãng xương	200.000
12	Chụp vòng	69.000

2	MRI THAI LẦN 2	2.000.000
3	MRI NHỬ	3.200.000
4	MRI BỤNG CHẬU	3.000.000
5	MRI BỤNG CHẬU (CÓ CẢN QUANG)	3.500.000
6	MRI PHỤ KHOA	3.000.000
7	MRI PHỤ KHOA(CÓ CẢN QUANG)	3.500.000
THỦ THUẬT		GIÁ THU
1	Nạo sinh thiết buồng tử cung	331.000
2	Nạo kênh buồng tử cung	331.000
3	Xoắn Polype	370.000
4	Sinh thiết cổ tử cung âm hộ	585.000